

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035

SỐ CÔNG THƯƠNG BÌNH ĐỊNH

Số: 5986

Ngày: 19/11

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;  
Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;  
Căn cứ Văn bản số 8565/BCT-CTĐP ngày 22/10/2018 của Bộ Công Thương về việc thỏa thuận điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Bình Định;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 65/TTr-SCT ngày 30/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Quan điểm:**

- Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (CCN) trên địa bàn tỉnh, tập trung làm rõ các cụm công nghiệp phải điều chỉnh diện tích (thu hẹp, mở rộng), công năng; đưa ra khỏi quy hoạch các cụm công nghiệp không còn phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh; Quy hoạch xây dựng và các quy hoạch ngành, sản phẩm liên quan khác trên địa bàn.

- Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện trên cơ sở phù hợp với các quy hoạch chiến lược của tỉnh, gắn nhu cầu diện tích mặt bằng để thu hút, di dời, với không gian công nghiệp chung trên địa bàn tỉnh, vùng trung du và miền núi, bảo đảm tính đồng bộ. Ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp phục vụ nhu cầu di dời các cơ sở sản xuất có khả năng gây ô nhiễm ra ngoài khu vực đô thị, khu đông dân cư.

- Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng đất nông nghiệp, đất của vùng nguyên liệu có hiệu quả cao cho ngành chế biến, nhằm đảm bảo ổn định quỹ đất nông nghiệp của từng địa phương cũng như toàn tỉnh.



- Phát triển cụm công nghiệp phải đảm bảo nguồn lực đầu tư; đa dạng hóa các hình thức đầu tư, huy động các nguồn lực tổng hợp của mọi thành phần kinh tế để thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu:**

### **a) Mục tiêu tổng quát**

Tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư sản xuất kinh doanh và xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các ngành cần nhiều lao động, góp phần tạo việc làm cho lao động địa phương, từng bước phát triển công nghiệp và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

### **b) Mục tiêu cụ thể**

Điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 là 60 cụm công nghiệp với tổng diện tích đất 1.847,7ha, trong đó: giai đoạn đến năm 2020 gồm 36 cụm công nghiệp với tổng diện tích 996 ha; giai đoạn đến năm 2025 gồm 46 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.379,5 ha; không tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật của 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích 317,9 ha (do đã đầu tư hoàn thiện); đầu tư hoàn thiện và triển khai đầu tư mới 48 cụm công nghiệp với tổng diện tích theo quy hoạch là 1.529,7 ha, trong đó: có 232,9 ha đã đầu tư xây dựng và 1.296,9 ha tiếp tục thực hiện, hoàn thiện.

## **3. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch**

### **a) Nội dung điều chỉnh**

Điều chỉnh các cụm công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 là 60 cụm công nghiệp, với tổng diện tích đất 1.847,7 ha, bình quân khoảng 31 ha/CCN (trong đó: giai đoạn đến năm 2020 gồm 36 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 996 ha; giai đoạn đến năm 2025 gồm 46 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 1.379,5 ha), cụ thể như sau:

- Giữ nguyên quy mô diện tích theo quy hoạch phát triển, quyết định thành lập và quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết của 56 cụm công nghiệp, với diện tích 1.638,9 ha.

- Điều chỉnh tăng quy mô diện tích 02 cụm công nghiệp (CCN Tân Đức, thị xã An Nhơn và CCN thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh), với tổng diện tích tăng là 38,5ha (tăng từ 48,5 ha lên 87 ha).

- Điều chỉnh giảm quy mô diện tích 01 cụm công nghiệp (CCN Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ), với tổng diện tích giảm 39,5 ha (giảm từ 90,2 ha xuống còn 50,7 ha).

- Điều chỉnh công năng của Khu kho bãi tập trung Nhơn Tân để đưa vào quy hoạch (CCN Nhơn Tân 1, thị xã An Nhơn) phục vụ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và di dời các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, với tổng diện tích là 66 ha.

- Đưa ra khỏi quy hoạch 04 cụm công nghiệp, gồm CCN Quang Trung, CCN Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn; CCN Hoài Đức, CCN Mỹ An, huyện Hoài Nhơn, với tổng diện tích 164,2 ha.

(Có Danh mục Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp kèm theo)

### **b) Nhu cầu vốn đầu tư**

Theo định hướng phát triển các cụm công nghiệp, trên địa bàn tỉnh có 60 cụm công nghiệp, trong đó 12 cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ

*Handwritten signature*  
2



tầng; 48 cụm công nghiệp đã triển khai đầu tư và đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật. Tổng nhu cầu vốn đầu tư của 48 cụm công nghiệp là 2.760,2 tỷ đồng, gồm vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác, cụ thể như sau:

- **Giai đoạn 2018 - 2020: 902,5 tỷ đồng**, trong đó:
  - + Vốn ngân sách Nhà nước: 50 tỷ đồng;
  - + Vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 852,5 tỷ đồng.
- **Giai đoạn 2021 - 2025: 975,7 tỷ đồng**, trong đó:
  - + Vốn ngân sách Nhà nước: 50 tỷ đồng;
  - + Vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 925,7 tỷ đồng.
- **Giai đoạn sau năm 2025: 882 tỷ đồng**, trong đó:
  - + Vốn ngân sách Nhà nước: 100 tỷ đồng;
  - + Vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 782 tỷ đồng.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai điều chỉnh Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 19/01/2012 và Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6. *hđ*

*hđ*  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Phan Cao Thăng*  
Phan Cao Thăng

**Phụ lục**  
**Danh mục Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Bình Định**  
**đến năm 2025, định hướng đến năm 2035**  
*(Kèm theo Quyết định số 4054/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh)*

Stt	Tên CCN	Địa điểm	Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Ngành nghề hoạt động
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>	<b>1.847,7</b>	
<b>I</b>	<b>Thành phố Quy Nhơn</b>		<b>1</b>	<b>23,3</b>	
1	CCN Bùi Thị Xuân	KV8, phường Bùi Thị Xuân		23,3	Đa ngành nghề
<b>II</b>	<b>Huyện Tuy Phước</b>		<b>1</b>	<b>49,5</b>	
2	CCN Phước An	Thôn Ngọc Thạch, xã Phước An		49,5	Đa ngành nghề
<b>III</b>	<b>Thị xã An Nhơn</b>		<b>12</b>	<b>323,5</b>	
3	CCN Bình Định	Phường Bình Định		14,4	Đa ngành nghề
4	CCN Gò Đá Trắng	Phường Đập Đá		16,9	Đa ngành nghề
5	CCN Nhơn Hòa	Thôn Tân Hòa, phường Nhơn Hòa		21,6	Đa ngành nghề
6	CCN Nhơn Phong	Thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong		11,5	Đa ngành nghề
7	CCN Đồi Hòa Sơn	Thôn Tân Đức, xã Nhơn Mỹ		37,0	Đa ngành nghề
8	CCN Thắng Công	Thôn Thắng Công, xã Nhơn Phúc		18,8	Đa ngành nghề
9	CCN Thanh Liêm	Thôn Thanh Liêm, xã Nhơn An		4,6	Đa ngành nghề
10	CCN Nhơn Tân	Thôn Nam Tượng I, II, xã Nhơn Tân		25,0	Đa ngành nghề
11	CCN An Mơ	Thôn Nam Tượng II, xã Nhơn Tân		29,4	Đa ngành nghề
12	CCN An Trường	Thôn Nam Tượng I, xã Nhơn Tân		28,3	Đa ngành nghề
13	CCN Tân Đức	Thôn Tân Đức, xã Nhơn Mỹ		50,0	Đa ngành nghề
14	CCN Nhơn Tân 1	Thôn Nam Tượng 1, xã Nhơn Tân		66,0	Đa ngành nghề
<b>IV</b>	<b>Huyện Tây Sơn</b>		<b>12</b>	<b>373,54</b>	
15	CCN Hóc Bọm	Thôn I, xã Bình Nghi		37,8	Đa ngành nghề
16	CCN Cầu Nước Xanh	Thôn I, xã Bình Nghi		38,8	Chế biến nông lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng

*Zuhil*



Stt	Tên CCN	Địa điểm	Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Ngành nghề hoạt động
17	CCN Phú An	Thôn Phú An, xã Tây Xuân		38,0	Đa ngành nghề
18	CCN Trường Định	Thôn Trường Định, xã Bình Hòa		20,0	Đa ngành nghề
19	CCN Cầu 16	Thôn Thượng Sơn, xã Tây Thuận		38,0	Đa ngành nghề
20	CCN Bình Nghi	Thôn Thủ Thiện Hạ, xã Bình Nghi		21,0	Đa ngành nghề
21	CCN Gò Đá	Thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường		12,8	Đa ngành nghề
22	CCN Gò Giữa	Thôn Thượng Giang, xã Tây Giang		35,0	Đa ngành nghề
23	CCN Gò Cây	Thôn Kiên Long, xã Bình Thành		30,0	Đa ngành nghề
24	CCN Bình Tân	Thôn Mỹ Thạch, xã Bình Tân		30,0	Đa ngành nghề
25	CCN Tây Xuân	Thôn Phú An, xã Tây Xuân		52,14	Đa ngành nghề
26	CCN Rẫy Ông Thọ	Thôn Đại Chí, xã Tây An		20,0	Đa ngành nghề
<b>V</b>	<b>Huyện Phù Mỹ</b>		<b>7</b>	<b>377,7</b>	
27	CCN Bình Dương	Thị trấn Bình Dương		75,0	Đa ngành nghề
28	CCN Diêm Tiêu	Thị trấn Phù Mỹ		38,2	Đa ngành nghề
29	CCN Đại Thạnh	Thôn Đại Thạnh, xã Mỹ Hiệp		63,8	Đa ngành nghề
30	CCN An Lương	Thôn Thiện Chánh, xã Mỹ Chánh		30,0	Đa ngành nghề
31	CCN Tân Tường An	Thôn Tường An, Tân An, xã Mỹ Quang		50,0	Đa ngành nghề
32	CCN thủy sản Mỹ Thành	Thôn Vinh Lợi, xã Mỹ Thành		70,0	Chuyên ngành chế biến thủy sản; công nghiệp nhẹ
33	CCN Mỹ Thành	Thôn Hòa Hội, xã Mỹ Thành		50,7	Chế biến nông lâm sản; công nghiệp nhẹ
<b>VI</b>	<b>Huyện Phù Cát</b>		<b>5</b>	<b>181,7</b>	
34	CCN Gò Mít	Thị trấn Ngô Mây		13,4	Đa ngành nghề
35	CCN Cát Nhơn	Thôn Liên Trì, xã Cát Nhơn		60,2	Đa ngành nghề
36	CCN Cát Hiệp	Thôn Hội Vân, xã Cát Hiệp		50,0	Chế biến nông lâm sản; công nghiệp

Stt	Tên CCN	Địa điểm	Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Ngành nghề hoạt động
					nhẹ
37	CCC Cát Trinh	Thôn Phú Kim, xã Cát Trinh		16,8	Chuyên ngành may
38	CCN chế biến thủy sản Cát Khánh	Thôn Thắng Kiên, xã Cát Khánh		41,3	Chuyên ngành chế biến thủy sản công nghiệp nhẹ
<b>VI I</b>	<b>Huyện Hoài Nhơn</b>		<b>11</b>	<b>281,92</b>	
39	CCN Bồng Sơn	Khối Thiết Đỉnh Nam, thị trấn Bồng Sơn		30,5	Chuyên ngành may, công nghiệp nhẹ
40	CCN Tam Quan	Khối 5, thị trấn Tam Quan		16,22	Chuyên ngành may
41	CCN Hoài Châu	Thôn An Quý Bắc, xã Hoài Châu		25,0	Đa ngành nghề
42	CCN Hoài Tân	Thôn Giao Hội I, xã Hoài Tân		74,5	Đa ngành nghề
43	CCN Hoài Hào	Thôn Phụng Du I, xã Hoài Hào		17,0	Đa ngành nghề
44	CCN Hoài Thanh Tây	Thôn Ngọc An Trung, xã Hoài Thanh Tây		8,9	Đa ngành nghề
45	CCN Hoài Hương	Thôn Thiện Đức, xã Hoài Hương		11,8	Đa ngành nghề
46	CCN Đệ Đức - Hoài Tân	Thôn Đệ Đức I, xã Hoài Tân		21,0	Đa ngành nghề
47	CCN Thiết Đỉnh Bắc	Khối Thiết Đỉnh Bắc, thị trấn Bồng Sơn		50,0	Đa ngành nghề
48	CCN Tường Sơn	Thôn Tường Sơn, xã Hoài Sơn		15,0	Đa ngành nghề
49	CCN Ngọc Sơn - Hoài Thanh Tây	Thôn Ngọc Sơn Bắc, xã Hoài Thanh Tây		12,0	Đa ngành nghề
<b>VI II</b>	<b>Huyện Hoài Ân</b>		<b>4</b>	<b>50,0</b>	
50	CCN Đốc Trương Sỏi	Thôn Gia Chiêu II, thị trấn Tăng Bạt Hổ		15,0	Đa ngành nghề
51	CCN Tân Thạnh	Thôn Tân Thạnh, xã Ân Tường Tây		15,0	Chế biến nông lâm sản; cơ khí
52	CCN Du Tụ	Thị trấn Tăng Bạt Hổ		10,0	Đa ngành nghề
53	CCN Gò Bằng	Thôn Long Quang, xã Ân Mỹ		10,0	Đa ngành nghề
<b>IX</b>	<b>Huyện An Lão</b>		<b>4</b>	<b>53,8</b>	
54	CCN Gò Bùì	Thôn Gò Bùì, thị trấn An Lão		11,7	Đa ngành nghề

*Tachikawa*

Stt	Tên CCN	Địa điểm	Tổng số CCN	Diện tích (ha)	Ngành nghề hoạt động
55	CCN Gò Cây Duối	Thôn Long Hòa, xã An Hòa		14,1	Đa ngành nghề
56	CCN Nam Gò Búi	Thôn Gò Búi, thị trấn An Lão		15,0	Chế biến lâm sản; may mặc, công nghiệp nhẹ
57	CCN Núi Một An Tân	Thôn Tân An và Thanh Sơn, xã An Tân		13,0	Chế biến lâm sản; may mặc, công nghiệp nhẹ
<b>X</b>	<b>Huyện Vĩnh Thạnh</b>		<b>1</b>	<b>35,74</b>	
58	CCN Tà Súc	Thôn Định Trường và thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang		35,74	Đa ngành nghề
<b>XI</b>	<b>Huyện Vân Canh</b>		<b>2</b>	<b>97,0</b>	
59	CCN TT Vân Canh	Thị trấn Vân Canh		37,0	Đa ngành nghề
60	CCN Canh Vinh	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh		60,0	Đa ngành nghề

*Đinh*